TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 59/2023/DS-PT
Ngày: 13-12-2023
V/v: "Tranh chấp hợp đồng bảo hiểm"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Vũ Hà Nam

Các thẩm phán: Ông Nguyễn Anh Dũng

Ông Nguyễn Đức Cảnh

- Thư ký phiên toà: Bà Phạm Thị Hồng Nhung - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định tham gia phiên toà: Bà Mai Thị Bích Huyên - Kiểm sát viên.

Vào ngày 13 tháng 12 năm 2023 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Nam Định xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 55/2023/TLPT-DS ngày 16 tháng 10 năm 2023 về việc "Tranh chấp hợp đồng bảo hiểm" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 66/2023/QĐXXST-DS ngày 02 tháng 11 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 144/2023/QĐST-DS ngày 16 tháng 11 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lê Thị V, sinh năm 1984; nơi cư trú: Thôn L, xã T, huyện H, tỉnh Tuyên Quang

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Hoàng Thị T, sinh năm 1966; nơi cư trú: Thôn L, xã T, huyện H, tỉnh Tuyên Quang. Có mặt tại phiên tòa.

- Bị đơn: Tổng Công ty Cổ phần B; địa chỉ trụ sở: Số 95 đường Trần T Tông, phường D, quận C, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Hoàng Thị Y – Chức vụ: Quyền Tổng giám đốc; người đại diện theo uỷ quyền: Ông Hồ Đình Q (Theo Giấy uỷ quyền số 1024/GUQ-PTI ngày 01-12-2023). Có mặt tại phiên tòa.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Anh Phạm Văn T, sinh năm 1981; nơi cư trú: Thôn L, xã T, huyện H, tỉnh Tuyên Quang.

Người đại diện theo ủy quyền của anh Phạm Văn T: Bà Hoàng Thị T, sinh năm 1966; nơi cư trú: Thôn L, xã T, huyện H, tỉnh Tuyên Quang.

2. Cháu Phạm Việt T, sinh ngày 20-10-2008; nơi cư trú: Thôn L, xã T, huyện H, tỉnh Tuyên Quang.

Người đại diện theo pháp luật của cháu Phạm Việt T:

- Chị Lê Thị V, sinh năm 1984; nơi cư trú: Thôn L, xã T, huyện H, tỉnh Tuyên Quang

- Anh Phạm Văn T, sinh năm 1981; nơi cư trú: Thôn L, xã T, huyện H, tỉnh Tuyên Quang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện, trong quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (chị Lê Thị V), đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan(anh Phạm Văn T) là bà Hoàng Thị T trình bày:

Anh Phạm Văn T và chị Lê Thị V là vợ chồng, có con trai tên là Phạm Việt T, sinh ngày 20-10-2008. Ngày 15-02-2022 chị Lê Thị V mua bảo hiểm cho cháu Phạm Việt T thông qua hình thức đơn bảo hiểm điện tử với Công ty B Nam Định là đơn vị trực thuộc của Tổng Công ty Cổ phần B (gọi tắt là PTI). Gói bảo hiểm mua cho cháu Phạm Việt T thuộc chương trình "PTI VỮNG TÂM AN +", được thực hiện theo Quy tắc bảo hiểm số 270/QĐ-PTI-BHCN của PTI.Toàn bộ thủ tục đăng ký mua bảo hiểm, nộp phí bảo hiểm, cấp giấy chứng nhận bảo hiểm cho cháu Phạm Việt T đều được thực hiện online trên hệ thống phần mềm của PTI. Ngày 15-02-2022sau khi đóng toàn bộ Phí bảo hiểm là 790.000 đồng, chị Lê Thị V đã được PTI cấp Giấy chứng nhận bảo hiểm số 0000387/GCN/040-KTTT/VTA-PLUS/2022. Giấy chứng nhận bảo hiểm, phụ lục kèm theo có các nội dung như sau:

- Người mua bảo hiểm là chị Lê Thị V; người được bảo hiểm là cháu Phạm Việt T.

- Thời hạn bảo hiểm đối với cháu Phạm Việt T là 12 tháng, tính từ ngày 16-02-2022 đến ngày 16-02-2023.

- Quyền lợi bảo hiểm: Người được bảo hiểm được hưởng quỹ trợ cấp nằm viện điều trị dịch bệnh tại các cơ sở y tế khi người được bảo hiểm nhập viện sau 03 ngày kể từ ngày bắt đầu bảo hiểm là 12.000.000 đồng. Đối với người được bảo hiểm đã tiêm chủng phòng ngừa dịch bệnh thì quỹ trợ cấp này tăng gấp đôi, tức là sẽ được hưởng 24.000.000 đồng.

Cháu Phạm Việt T đã được tiêm chủng phòng ngừa bệnh Covid-19 mũi 1 vào ngày 24-12-2021 và mũi 2 vào ngày 14-02-2022 tại Trạm Y tế xã T, huyện H, tỉnh Tuyên Quang. Đến ngày 13-3-2022 thì cháu Phạm Việt T được xác định bị mắc bệnh Covid-19 theo Phiếu xét nghiệm PCR của Công ty TNHH T - Phòng khám đa khoa 153, cùng ngày cháu Phạm Việt T được đưa vào điều trị tại

Cơ sở thu dung điều trị Covid-19 thuộc Trung tâm Y tế huyện H - Sở Y tế tỉnh Tuyên Quang, đến ngày 20-3-2022 cháu Phạm Việt T được ra viện.

Sau khi sự kiện bảo hiểm xảy ra, chị Lê Thị V đã làm thủ tục thông báo việc cháu Phạm Việt T bị mắc bệnh Covid-19 và phải điều trị tại cơ sở y tế cho PTI. Các giấy yêu cầu bảo hiểm, chứng từ điều trị của cháu Phạm Việt T đã được chụp ảnh và cập nhật trên hệ thống phần mềm của PTI ngay trong tháng 3-2022. Ngoài việc khai báo online, chị Lê Thị V còn gửi bộ hồ sơ gốc yêu cầu bảo hiểm và chứng từ điều trị cho PTI theo đường bưu chính.

Ngày 10-5-2022, PTI có thông báo giải quyết quỹ hỗ trợ với mức chi hỗ trợ cho cháu Phạm Việt T là 12.000.000 đồng. Chị Lê Thị V không đồng ý với mức hỗ trợ nói trên và yêu cầu PTI phải thực hiện trả tiền bảo hiểm cho cháu Phạm Việt T là 24.000.000 đồng với lý do theo Giấy chứng nhận bảo hiểm số 0000387/GCN/040-KTTT/VTA-PLUS/2022 ngày 15-02-2022 và Phụ lục tại trang 2 thì trường hợp của cháu Phạm Việt T đã thỏa mãn tất cả các điều kiện của hợp đồng bảo hiểm. Cụ thể là cháu Phạm Việt T đã bị mắc bệnh Covid-19 sau hơn 03 ngày kể từ ngày bắt đầu bảo hiểm, đã được tiêm chủng phòng ngừa bệnh Covid-19, đã được điều trị tại cơ sở y tế do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thành lập; đồng thời trường hợp của cháu Phạm Việt T không thuộc bất cứ điểm loại trừ nào theo Quy tắc bảo hiểm số 270/QĐ-PTI-BHCN và Giấy chứng nhận bảo hiểm số 0000387/GCN/040-KTTT/VTA-PLUS/2022 ngày 15-02-2022 của PTI.

Ngoài ra, theo quy định của khoản 3, mục tóm tắt nội dung bảo hiểm của Giấy chứng nhận bảo hiểm số 0000387/GCN/040-KTTT/VTA-PLUS/2022 ngày 15-02-2022 thì PTI phải trả tiền bảo hiểm trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được bộ hồ sơ đầy đủ và hợp lệ. PTI đã tiếp nhận bộ hồ sơ yêu cầu bồi thường hợp lệ của cháu Phạm Việt T từ ngày 28-03-2022, thời hạn cuối cùng phải trả tiền bảo hiểm là ngày 12-4-2022. Do PTI không trả tiền bảo hiểm đúng thời hạn nên đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Vì vậy PTI phải trả tiền chậm trả đối với số tiền bảo hiểm theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 với mức lãi suất 10%/năm, kể từ ngày 13-4-2022 cho đến khi thanh toán xong số tiền bảo hiểm của cháu Phạm Việt T.

Hiện tại, nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề sau:

- Buộc PTI phải thực hiện trả tiền bảo hiểm cho trường hợp của cháu Phạm Việt T là 24.000.000 (hai mươi bốn triệu) đồng.

- Buộc PTI phải trả tiền chậm trả theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 với mức lãi suất 10%/năm đối với số tiền bảo hiểm chậm trả, kể từ ngày 13-4-2022 cho đến khi thanh toán xong số tiền bảo hiểm cho trường hợp của cháu Phạm Việt T.

- Nguyên đơn tự nguyện rút các yêu cầu: Buộc PTI phải trả tiền phát sinh chi phí đi lại bao gồm vé xe từ nơi cư trú của nguyên đơn đến Tòa án với số tiền 330.000 đồng/lần đi, 330.000 đồng/lần về và yêu cầu đề nghị cơ quan có thẩm quyền xử phạt PTI do chậm trả tiền bồi thường.

2. Trong quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày:

Ngày 15-02-2022chị Lê Thị V đã mua bảo hiểm cho cháu Phạm Việt T thuộc chương trình "PTI VỮNG TÂM AN +", được thực hiện theo Quy tắc bảo hiểm số 270/QĐ-PTI-BHCN của PTI.Thủ tục đăng ký mua bảo hiểm, nộp phí bảo hiểm, cấp giấy chứng nhận bảo hiểm cho cháu Phạm Việt Tđược thực hiện online trên hệ thống phần mềm của PTI. Ngày 15-02-2022chị Lê Thị V đóng toàn bộ Phí bảo hiểm là 790.000 đồng nên cháu Phạm Việt T đã được cấp Giấy chứng nhận bảo hiểm số 0000387/GCN/040-KTTT/VTA-PLUS/2022. Thời hạn bảo hiểm đối với cháu Phạm Việt T là 12 tháng, tính từ ngày 16-02-2022 đến ngày 16-02-2023.

Sau khi cháu Phạm Việt T bị mắc bệnh Covid-19 và được điều trị tại Cơ sở thu dung điều trị Covid-19 thuộc Trung tâm Y tế huyện H - Sở Y tế tỉnh Tuyên Quang, chị Lê Thị V đã làm thủ tục thông báo trên hệ thống phần mềm của PTI. Ngày 28-03-2022 PTIcũng đã nhận được bộ hồ sơ yêu cầu trả tiền bảo hiểm của khách hàng Phạm Việt T, bao gồm giấy yêu cầu bảo hiểm và các chứng từ điều trị của cháu Phạm Việt T. PTI không yêu cầu chị Lê Thị V bổ sung thêm hồ sơ, tài liệu gì khác.

Cháu Phạm Việt T mắc bệnh Covid-19 là thuộc sự kiện bảo hiểm quy định trong chương trình bảo hiểm "PTI VỮNG TÂM AN +". Tuy nhiên do cháu Phạm Việt T bị mắc bệnh Covid-19 sau khi số lượng người mắc bệnh Covid-19 rất nhiều và Chính phủ thực hiện chủ trương miễn dịch cộng đồng. Để giải quyết việc điều trị cho người mắc bệnh Covid-19, Bộ Y tế đã ban hành Quyết định số 5525/QĐ-BYT ngày 01-12-2021 và Quyết định 250/QĐ-BYT ngày 28-01-2022 để phân loại nhóm nguy cơ cần điều trị tại cơ sở y tế. Theo hướng dẫn của các văn bản trên thì cháu Phạm Việt T mắc bệnh Covid-19, nhưng không thuộc nhóm nguy cơ cần điều trị tại cơ sở y tế. Vì vậy trường hợp của cháu Phạm Việt T là không thuộc trường hợp được trả tiền bảo hiểm. Tuy nhiên để hỗ trợ khách hàng, PTIđã thông báo đồng ý hỗ trợ cho cháu Phạm Việt T số tiền là 12.000.000 (mười hai triệu) đồng nhưng chị Lê Thị V không đồng ý.

Hiện tại PTI yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp bảo hiểm theo quy định của pháp luật. Đồng thời, PTI không chấp nhận yêu cầucủa chị Lê Thị V về việc trả tiền chậm trả đối với số tiền bảo hiểm vì giữa hai bên xảy ra tranh chấp chi trả tiền bảo hiểm.

Từ nội dung trên, Bản án dân sự sơ thẩm số 64/2023/DS-ST ngày 13 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định đã quyết định: Căn cứ Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015; Căn cứ Điều 13, Điều 14, Điều 15, Điều 16, điểm c khoản 2 Điều 17, Điều 22, Điều 29 của Luật kinh doanh bảo hiểm năm 2000 (sửa đổi, bổ sung năm 2019); Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 40; khoản 1 Điều 147; điểm c, g khoản 1 Điều 217; Điều 218 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XIV; Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 13 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11-01-2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị V:

1.1. Buộc Tổng Công ty Cổ phần B phải trả cho người đại diện theo pháp luật của cháu Phạm Việt T làchị Lê Thị V vàanh Phạm Văn T số tiền bảo hiểm đối với cháu Phạm Việt T là 24.000.000 (hai mươi bốn triệu) đồng.

1.2. Buộc Tổng Công ty Cổ phần B phải trả cho người đại diện theo pháp luật của cháu Phạm Việt T là chị Lê Thị V và anh Phạm Văn T số tiền chậm trả đối với số tiền bảo hiểm kể từ ngày 13-4-2022 đến hết ngày xét xử sơ thẩm là 3.000.000 (ba triệu) đồng.

Kể từ ngày 14-7-2023 cho đến khi thi hành án xong, Tổng Công ty Cổ phần B còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

2. Đình chỉ giải quyết yêu cầu Tổng Công ty Cổ phần B phải trả tiền phát sinh chi phí đi lại bao gồm vé xe từ nơi cư trú của nguyên đơn đến Tòa án đối với số tiền 330.000 đồng/lần đi, 330.000 đồng/lần về và yêu cầu đề nghị cơ quan có thẩm quyền xử phạt hành chính đối với Tổng Công ty Cổ phần B do chậm trả tiền bồi thường.

Ngoài ra, bản án còn tuyên lãi suất chậm thi hành án, án phí và quyền kháng cáo cho các đương sự.

Ngày 19/7/2023, Tổng Công ty Cổ phần B làm đơn kháng cáo với nội dung: Không đồng ý với toàn bộ nội dung bản án sơ thẩm và kháng cáo toàn bộ bản án. Chúng tôi sẽ có văn bản trình bày chi tiết lý do kháng cáo và sẽ nộp cho Tòa án cấp phúc thẩm. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xét xử đúng qui định của pháp luật bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của chúng tôi.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã chấp hành đúng những quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Về nội dung: Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự. Không chấp nhận kháng cáo của Tổng Công ty Cổ phần B, giữ nguyên bản án sơ thẩm; Về án phí đương sự phải nộp theo qui định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Sau khi xét xử sơ thẩm, Tổng Công ty Cổ phần B có đơn kháng cáo trong thời hạn luật định nên được chấp nhận. Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; người kháng cáo giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

[2] Xét nội dung kháng cáo của Tổng Công ty Cổ phần B:

[2.1] Về tranh chấp bảo hiểm:

[2.1.1] Về việc giao kết hợp đồng: Việt T, sinh ngày 20-10-2008 thông qua hình thức đơn bảo hiểm điện tử với Công ty B Nam Định là đơn vị trực thuộc của PTI. Sau khi chị Lê Thị V đã đóng đầy đủ phí bảo hiểm, Công ty B Nam Định đã cấp Giấy chứng nhận bảo hiểm số 0000387/GCN/040-KTTT/VTA-PLUS/2022 ngày 15-02-2022. Giấy chứng nhận bảo hiểm và Phụ lục kèm theo có ghi các nội dung cụ thể của hợp đồng bảo hiểm, bao gồm: Người mua bảo hiểm là chị Lê Thị V, người được bảo hiểm là cháu Phạm Việt T; thời hạn bảo hiểm đối với cháu Phạm Việt T là 12 tháng, tính từ ngày 16-02-2022 đến ngày 16-02-2023; phí bảo hiểm là 790.000 đồng; quyền lợi bảo hiểm: Người được bảo hiểm được hưởng quỹ trợ cấp nằm viện điều trị dịch bệnh tại các cơ sở y tế khi người được bảo hiểm nhập viện sau 03 ngày kể từ ngày bắt đầu bảo hiểm là 12.000.000 đồng; đối với người được bảo hiểm đã tiêm chủng phòng ngừa dịch bệnh thì quỹ trợ cấp này tăng gấp đôi, tức là sẽ được hưởng 24.000.000 đồng. Ngoài ra giấy chứng nhận bảo hiểm và phụ lục kèm theo còn có các nội dung về điều khoản loại trừ trách nhiệm bảo hiểm, thời hạn trả tiền bảo hiểm... Căn cứ Điều 13, Điều 14, Điều 15, Điều 22 Luật kinh doanh bảo hiểm năm 2000 (sửa đổi, bổ sung năm 2019) thì hợp đồng bảo hiểm giữa chị Lê Thị V và PTI là hợp pháp và có hiệu lực thực hiện; trách nhiệm bảo hiểm của PTI đối với cháu Phạm Việt T phát sinh từ ngày 16-02-2022 đến ngày 16-02-2023.

[2.1.2] Về sự kiện bảo hiểm: Căn cứ vào Phiếu xét nghiệm PCR ngày 13-3-2022 của Công ty TNHH T - Phòng khám đa khoa 153 thì cháu Phạm Việt T bị mắc bệnh Covid-19. Như vậy, cháu Phạm Việt T đã bị mắc bệnh Covid-19 sau 25 ngày kể từ ngày được bắt đầu bảo hiểm là ngày 16-02-2022. Ngày 13-3-2022, cháu Phạm Việt T đã được đưa vào Cơ sở thu dung điều trị Covid-19 thuộc Trung tâm Y tế huyện H - Sở Y tế tỉnh Tuyên Quang, đây là cơ sở y tế hợp pháp được Sở Y tế tỉnh Tuyên Quang thành lập để điều trị cho các bệnh nhân mắc Covid-19. Các tình tiết trên là cơ sở để xác định sự kiện bảo hiểm được nêu trong Giấy chứng nhận bảo hiểm số 0000387/GCN/040-KTTT/VTA-PLUS/2022 ngày 15-02-2022 và phụ lục kèm theo đã xảy ra trong thời hạn bảo hiểm của cháu Phạm Việt T.

[2.1.3] Về nghĩa vụ trả tiền bảo hiểm: Căn cứ nhận định tại mục 2.2 về việc cháu Phạm Việt T bị mắc bệnh Covid-19 trong thời hạn bảo hiểm, được điều trị tại cơ sở y tế hợp pháp là sự kiện bảo hiểm được nêu trong Giấy chứng nhận bảo hiểm số 0000387/GCN/040-KTTT/VTA-PLUS/2022 ngày 15-02-2022 và phụ lục kèm theo; đồng thời việc cháu Phạm Việt T bị mắc bệnh Covid-19 không thuộc bất cứ điểm loại trừ nào được ghi trong Quy tắc bảo hiểm số 270/QĐ-PTI-BHCN và Giấy chứng nhận bảo hiểm số 0000387/GCN/040-KTTT/VTA-PLUS/2022 ngày 15-02-2022. Vì vậy, căn cứ Điều 16 và điểm c khoản 2 Điều 17 Luật kinh doanh bảo hiểm năm 2000 (sửa đổi, bổ sung năm 2019) thì PTI có nghĩa vụ trả tiền bảo hiểm cho người thụ hưởng là cháu Phạm Việt T theo quy định của hợp đồng bảo hiểm. Do cháu Phạm Việt T bị mắc bệnh Covid-19 sau khi đã được tiêm chủng phòng ngừa dịch bệnh Covid-19, vì vậy

căn cứ quy định tại phụ lục của Giấy chứng nhận bảo hiểm số 0000387/GCN/040-KTTT/VTA-PLUS/2022 ngày 15-02-2022 thì PTI có nghĩa vụ trả tiền bảo hiểm cho trường hợp của cháu Phạm Việt T là 24.000.000 đồng.

Đối với quan điểm của PTI cho rằng cháu Phạm Việt T mắc bệnh Covid-19, nhưng không thuộc nhóm nguy cơ cần điều trị tại cơ sở y tế theo hướng dẫn tạiQuyết định số 5525/QĐ-BYT ngày 01-12-2021 và Quyết định 250/QĐ-BYT ngày 28-01-2022 của Bộ Y tế, do đó trường hợp của cháu Phạm Việt T là không thuộc trường hợp được trả tiền bảo hiểm. Hội đồng xét xử thấy rằng: Căn cứ mục 3 Quyết định số 5525/QĐ-BYT ngày 01-12-2021 của Bộ Y tế thì cháu Phạm Việt T thuộc loại nguy cơ trung bình, định hướng điều trị tại *"bệnh viện hoặc cơ sở thu dung điều trị Covid-19, trong trường hợp quá tải thì có thể xem xét điều trị tại cộng đồng"*; căn cứ ghi chú tại bảng 4, mục 6.1 Quyết định 250/QĐ-BYT ngày 28-01-2022 của Bộ Y tế về nguyên tắc điều trị thì *"người bệnh nhiễm COVID-19 không triệu chứng hoặc mức độ nhẹ có thể điều trị tại nhà hoặc các cơ sở thu dung điều trị COVID-19 tuỳ theo tình hình dịch tại từng địa phương"*. Trường hợp của cháu Phạm Việt T thực tế đã được cơ sở y tế có thẩm quyền tiếp nhận và điều trị bệnh Covid-19, như vậy là thuộc trường hợp cần thiết phải điều trị tại cơ sở y tế. Đồng thời PTI không xuất trình được tài liệu chứng cứ chứng minh nguyên đơn đã được PTI thông báo về việc phải điều trị Covid 19 theo Quyết định số 5525/QĐ-BYT ngày 01-12-2021 và Quyết định 250/QĐ-BYT ngày 28-01-2022 của Bộ Y tế. Vì vậy quan điểm của PTI cho rằng cháu Phạm Việt T mắc bệnh Covid-19, nhưng không thuộc nhóm nguy cơ cần điều trị tại cơ sở y tế nên không được trả tiền bảo hiểm là không có cơ sở chấp nhận.

[2.2] Về nghĩa vụ chậm trả: Căn cứ Điều 29 Luật kinh doanh bảo hiểm năm 2000 (sửa đổi, bổ sung năm 2019) và mục 2 chương V Quy tắc bảo hiểm số 270/QĐ-PTI-BHCN, mục 3 phần III Giấy chứng nhận bảo hiểm số 0000387/GCN/040-KTTT/VTA-PLUS/2022 ngày 15-02-2022 thì PTI có nghĩa vụ trả tiền bảo hiểm trong thời hạn chậm nhất là 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được bộ hồ sơ đầy đủ và hợp lệ. Theo xác nhận của người đại diện PTI thì ngày 28-3-2022, PTI đã nhận được bộ hồ sơ yêu cầu trả tiền bảo hiểm của chị Lê Thị V đối với trường hợp của cháu Phạm Việt T, PTI không yêu cầu phải bổ sung thêm hồ sơ, tài liệu gì khác. Vì vậy, thời hạn cuối cùng mà PTI phải trả tiền bảo hiểm là ngày 12-4-2022. Do PTI không trả tiền bảo hiểm đúng thời hạn nên đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Căn cứ Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015,PTI phải trả tiền chậm trả đối với số tiền bảo hiểm với mức lãi suất 10%/năm, kể từ ngày 13-4-2022 cho đến khi thanh toán xong số tiền bảo hiểm của cháu Phạm Việt T.

Cụ thể số tiền chậm trả tính đến hết ngày xét xử sơ thẩm là 15 tháng: Lãi chậm trả của 15 tháng là (24.000.000 đồng x 10%/năm/12 tháng) x 15 tháng = 3.000.000 đồng.

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11-01-2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, PTI còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

[3] Từ nhận định trên Hội đồng xét xử xét thấy cấp sơ thẩm chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị V, buộc Tổng Công ty Cổ phần B phải trả cho chị V số tiền bảo hiểm là 24.000.000 đồng và số tiền chậm trả là 3.000.000 đồng là có căn cứ. Tại cấp phúc thẩm, Tổng Công ty Cổ phần B không xuất trình được tài liệu chứng cứ mới. Do đó không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị đơn.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành.

[5] Về án phí: Kháng cáo không được chấp nhận nên Tổng Công ty Cổ phần B phải nộp án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Căn cứ Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015; Căn cứ Điều 13, Điều 14, Điều 15, Điều 16, điểm c khoản 2 Điều 17, Điều 22, Điều 29 của Luật kinh doanh bảo hiểm năm 2000 (sửa đổi, bổ sung năm 2019); Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 40; khoản 1 Điều 147; điểm c, g khoản 1 Điều 217; Điều 218 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XIV; Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 13 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11-01-2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

1. Không chấp nhận kháng cáo của Tổng Công ty Cổ phần B, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

2. Án phí dân sự phúc thẩm: Tổng Công ty Cổ phần B phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm. Tổng Công ty Cổ phần B đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí tại biên lai thu tiền số 0000263 ngày 24/7/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Nam Định được đối trừ.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền Tả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Nam Định;
- VKSND-TANDTP Nam Định;
- Chi cụcTHADS TP Nam Định;
- Lưu: VT, Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Hà Nam